TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HS-PT
Ngày 24-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Nguyễn Đức Nhận.

***Thư ký phiên toà*:** Ông Đỗ Ngọc Chuyền, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*:** Ông Lê Minh Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 557/2017/TLPT-HS ngày 01/8/2017 do có Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2017/HS-ST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Các bị cáo bị kháng nghị:

1. **Nguyễn Chiến T**, sinh năm 1972 tại Quảng Ninh; nơi ĐKHKTT: Khu A, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; con ông: Nguyễn Văn X (đã chết) và bà Đỗ Thị T1; bị cáo có vợ: Phạm Thị D sinh năm 1974 và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2001; gia đình có bốn anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2016 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Vũ Tiến H**, sinh năm 1994 tại Quảng Ninh; nơi ĐKHKTT: khu Đ, phường Phương Đông, thành phố U, Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: Khu 4, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh;

con ông Vũ Tiến H1 và bà Đỗ Thị M; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/7/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố U, Quảng Ninh xử phạt cảnh cáo về tội "Không tố giác tội phạm" tại Bản án số 79/2011/HSST. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2016 và tạm giam cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị; không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa không triệu tập, gồm: Đào Thị Thu H2, Lý Văn L.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chiến T:* Bà Phạm Thị L1, Luật sư Công ty TNHH một thành viên M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt;

** Người bào chữa cho bị cáo Vũ Tiến H:* Bà Nguyễn Thị Trà M, Luật sự Công ty TNHH Một thành viên B, thuộc Đoàn luật sự tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/9/2016, tại nhà của Nguyễn Chiến T thuộc khu 5, phường H, thành phố M, Quảng Ninh tổ công tác Công an phường H và Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố M, kiểm tra phát hiện, thu giữ tại mặt bàn để ngoài nhà Nguyễn Chiến T một túi nilon màu đen, bên trong đựng một bọc ni lon màu đen và một bọc ni lon màu trắng đều được dán băng dính đen bên ngoài; bên trong hai bọc ni lon đều chứa chất tinh thể màu nâu vàng nghi là ma túy.

Ngày 04/9/2016 khám xét nơi ở của Lý Văn L phát hiện thu giữ trên nóc tủ quần áo trong phòng ngủ của Lý Văn L một túi nilon màu trắng, bên trong chứa các chất tinh thể màu nâu vàng nghi là ma túy.

Tại Kết luận giám định số 659/GĐMT ngày 06/9/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận hai túi nilon ký hiệu M1 và mẫu M2 chứa tinh thể màu nâu vàng (thu tại nhà Nguyễn Chiến T) đều là chất ma túy; loại ketamine có trọng lượng như sau:

- Túi ký hiệu M1 có trọng lượng 1.869,29 gam;

- Túi ký hiệu M2 trọng lượng 2.029,05 gam.

Tại Bản kết luận giám định số 663/GĐMT ngày 07/9/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chất tinh thể màu nâu vàng trong túi nilon (thu tại nhà Lý Văn L) gửi tới giám định là chất ma túy; loại ketamine; trọng lượng 117,44 gam.

Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa xác định được: Do có mối quan hệ quen biết nhau nên A (tức P) ở thị trấn B, Đ, Trung Quốc đặt vấn đề với Lý Văn L tìm người để vận chuyển ma túy từ Đ, Trung Quốc về Việt Nam cho Phóng. Do quen và biết được Nguyễn Chiến T đang khó khăn cần tiền, L đã đặt vấn đề với T về việc vận chuyển ma túy để lấy tiền công, T đồng ý nên ngày 01/9/2016, L cùng với Vũ Tiến H, Hoàng Văn T3, Hoàng Việt C và Nguyễn Chiến T sang Trung Quốc, đến nhà A tại phòng 2108 khu chung cư gần bến xe Đ, Trung Quốc. Khi vào nhà thì có A và Đào Thị Thu H2; L giới thiệu T là người vận chuyển ma túy cho A; sau đó cả nhóm bàn bạc, thống nhất T vận chuyển 04 Kg ma túy loại Ketamine từ Trung Quốc về thành phố U, Quảng Ninh giao lại cho Hà sẻ được nhận tiền công 40 triệu đồng. Khoảng 12 giờ ngày 02/9/2016, lúc này trong phòng A có thêm một số người Trung Quốc; một người Trung Quốc lấy hai bọc nilon gói ma túy đưa cho T, T cầm sang phòng bên cạnh nhờ H dùng băng dính quấn một nửa số ma túy đó vào quanh người của T để vận chuyển về Việt Nam. Sau khi vận chuyển trót lọt hết số ma túy về cất dấu ở nhà mình, T không thực hiện việc vận chuyển số ma túy đó đến U để giao cho Đào Thị Thu H2 theo thỏa thuận, nên L đã bảo H về M đến nhà T xem xét tình hình. Tại nhà T, khi H dục T vận chuyển số ma túy đó để giao cho Hà thì T yêu cầu phải trả tiền công cho T trước, nếu không thì T không đi nữa dẫn đến giữa T và H xô xát nhau. Thấy vậy, con trai T là T5 báo Công an phường H kết hợp với Công an thành phố M đến nhà T để giải quyết sự việc và đã phát hiện và thu giữ số ma túy trên tại nhà T và L.

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm số: 73/2017/HS-ST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh tuyên bố các bị cáo Nguyễn Chiến T, Vũ Tiến H phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Chiến T 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 03/9/3016; xử phạt Vũ Tiến H 16 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 03/9/2016

Ngoài ra Bản án còn xử phạt đối với bị cáo Đào Thị Thu H2 tù chung thân về tội "vận chuyển trái phép chất ma túy" và tội "mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Lý Văn L 20 năm tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy"; Bản án còn xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/6/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Kháng nghị số 14/KNPT, kháng nghị phần hình

phạt đối với bị cáo T và bị cáo H; cho rằng cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo T, bị cáo H là quá nhẹ, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, đề nghị cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo T lên chung thân và bị cáo H lên mức từ 18 đến 19 năm tù.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H2 Nội giữ nguyên nội dung kháng nghị; phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án và cho rằng: T là người trực tiếp vận chuyển số ma túy về Việt Nam và H là người giúp sức tích cực; số ma túy đặc biệt lớn (hơn 4.000 gam); cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của hai bị cáo. Vì vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để sửa Bản án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt của bị cáo T và bị cáo H như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chiến T vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt Luật sư bào chữa vì đã có bào bào chữa; bài bào chữa của Luật sư cho rằng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh là không có căn cứ vì: Bị cáo T không có chủ đích vận chuyển ma túy mà do T nợ tiền của L nên khi L nhờ bị cáo T vận chuyển ma túy bị cáo đã nhận lời để trả ân tình cho bạn; việc vay tiền của bị cáo T cũng không phải làm ăn mờ ám mà do bị cáo bị tai nạn, chi phí điều trị tốn kém nên phải vay tiền của L; khi vận chuyển ma túy, bị cáo T không hề quan tâm đến cách thức, số lượng cũng như phương án vận chuyển, chỉ khi sang đến Trung Quốc dưới sự chỉ đạo của các bị cáo khác T mới thực hiện vận chuyển; Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn vì bị cáo bị tại nạn giao thông nghiêm trọng dẫn đến khả năng lao động bị giảm sút, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên khi không lao động được cộng thêm di chứng phẩu thuật khiến gia đình càng khó khăn. Vì vậy, việc vận chuyển ma túy chỉ là bước đường cùng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H trình bày bài bào chữa: Cho rằng Viện kiểm sát kháng nghị là không phù hợp; bởi vì, vụ án có đồng phạm gồm H2 là chủ mưu, đến L, đến T, đến H, nhưng bị cáo H2 chỉ bị xử Chung thân, bị cáo L chỉ bị xử 20 năm tù, T 20 năm tù, H 16 năm tù; nhưng Viện kiểm sát chỉ kháng nghị tăng hình phạt đối với T và H là không tương xứng, không có căn cứ, trong khi H có vai trò thấp nhất trong vụ án; bị cáo T và H là đồng phạm nên cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến chính sách nhân đạo đối với đồng phạm được quy định trong Bộ luật hình sự; H tuổi đời còn trẻ, bị rủ rê, khi về đến Việt Nam mới nhận thức được Ma túy. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Chiến T, Vũ Tiến H đã khai nhận hành vi như bản án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của những người làm chứng, cũng như phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Đặc biệt là kết luận giám định. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 03/9/2016, Nguyễn Chiến T, Vũ Tiến H, đã có hành vi giúp sức cho Đào Thị Thu H2, A và Lý Văn L vận chuyển 4.015,78 gam Ketamine từ Trung Quốc về Việt Nam; khi đang để tại nhà Nguyễn Chiến T thì bị bắt giữ. Hành vi đó của các bị cáo Nguyễn Chiến T và Vũ Tiến H đã phạm tội "vận chuyển trái phép chất ma túy". Hành vi đó của các bị cáo không những xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội; ma túy là nguồn gốc lây lan các căn bệnh xã hội; là nguyên nhân dẫn đến bao gia đình tan nát và là mầm mống của các loại tội phạm, nên cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Do số lượng ma túy mà các bị cáo vận chuyển là 4.015,78 gam nên cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Chiến T, Vũ Tiến H thấy rằng: Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, thể hiện bị cáo H2 có vai trò chính, cầm đầu trong vụ án, là người bàn bạc giúp sức trực tiếp cho A; bị cáo L là người nhận lời từ bị có H2 và A sau đó tìm kiếm và rủ rê, lôi kéo bị cáo T cùng thực hiện tội phạm; bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi vận chuển trái phép chất ma túy, tuy bị cáo bị L rủ rê nhưng quá trình thực hiện T tỏ ra tích cực, cấp sơ thẩm đánh giá vai trò hai bị cáo ngang nhau là có căn cứ; bị cáo H chỉ là người giúp sức như buộc ma túy vào người cho T, cũng như đến nhà T thúc dục T vận chuyển ma túy, nên bị cáo giữ vai trò thứ yếu như cấp sơ thẩm đánh giá là có căn cứ. Viện kiểm sát cho rằng vai trò của bị cáo T cao hơn bị cáo L, cũng như mức hình phạt cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo T, bị cáo H chưa tướng xứng với hành vi phạm tội của hai bị cáo và chưa đúng với hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Bởi vì, cả hai bị cáo phạm tội

với vai trò đồng phạm, giúp sức giản đơn nên cấp sơ thẩm đã xem xét đến yếu tố đồng phạm để áp dụng Điều 53 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là đúng quy định. Vì vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội không có căn cứ để chấp nhận, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt của hai bị cáo như đề nghị của các luật sư bào chữa là có căn cứ.

[3] Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh; giữ nguyên Bản án hình sơ thẩm số: 73/2017/HS-ST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh; áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 20 Bộ luật hình sự; phạt bị cáo Nguyễn Chiến T **20 (hai mươi) năm tù**; phạt bị cáo Vũ Tiến H **16 (mười sáu) năm tù** đều về tội "*Vận chuyển trái phép chất ma túy*"; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam các bị cáo (03/9/2016).

Về án phí: Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm .

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số: 73/2017/HS-PT ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKS cấp cao Hà Nội;
- VKS tỉnh Quảng Ninh;
- PV27; PC81 công an Quảng Ninh;
- Trại Tạm giam tỉnh Quảng Ninh;
- Toà án tỉnh Quảng Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh quảng Ninh ;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Thái Duy Nhiệm